

THÔNG TIN LUẬN ÁN TIỀN SĨ ĐƯA LÊN MẠNG

Tên đề tài luận án: **Nghiên cứu tình hình tăng acid uric máu và đánh giá hiệu quả can thiệp cộng đồng ở người từ 35 tuổi trở lên tại tỉnh Cà Mau.**

Chuyên ngành: Y tế Công cộng;

Mã số: 62.72.03.01

Người hướng dẫn: PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên; PGS.TS. Trần Ngọc Dung

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

TÓM TẮT NHỮNG KẾT LUẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN

1. Xác định được:

- Tỷ lệ tăng AUM ở người dân tỉnh Cà Mau từ 35 tuổi trở lên:
- Tỷ lệ tăng AUM ở người dân tỉnh Cà Mau là 14,83%; tỷ lệ tăng AUM ở nam giới là 20,13% và ở nữ giới là 9,7%. Nồng độ AUM trung bình ở nhóm tăng là $7,48 \pm 0,98$ mg/dl, ở nhóm không tăng là $4,88 \pm 1,00$ mg/dl.
- Các yếu tố liên quan đến tăng acid uric máu ở người dân tỉnh Cà Mau
 - + Tỷ lệ tăng AUM ở người dân liên quan có ý nghĩa thống kê với các yếu tố như: giới tính (OR=1,63; $p=0,006$); hút thuốc lá (OR=2,02; $p<0,001$); bệnh mắc kèm (OR=2,97; $p<0,001$); khi mắc thêm một bệnh kèm theo thì nguy cơ tăng AUM gấp 2,97 lần sau khi hiệu chỉnh các yếu tố bằng phân tích hồi qui logistic.
 - + Các thói quen làm tăng nguy cơ tăng AUM ở người dân là: uống rượu (OR=4,44; $p<0,001$); ăn thịt đỏ (OR=1,73; $p=0,002$); Các thói quen làm giảm nguy cơ tăng AUM ở người dân là: vận động thể lực (OR=0,41; $p<0,001$); ăn rau xanh (OR=0,31; $p<0,001$);

2. Xác định được:

- Sau 12 tháng nồng độ AUM ở hai nhóm can thiệp giảm có ý nghĩa so với nhóm chứng. Nhóm chứng có nồng độ AUM là $7,64 \pm 0,94$ mg/dL (tăng 0,03 mg/dL); nhóm truyền thông là $7,22 \pm 1,08$ mg/dL (giảm 0,44mg/dl) nhóm dùng vitamin C là 6,88 mg/dL (giảm 0,49mg/dl). Dùng vitamin C có cải thiện nồng độ AUM có ý nghĩa so với nhóm chứng với $p<0,001$ và nhóm truyền thông giáo dục sức khỏe đơn thuần với $p=0,03$.
- Tỷ lệ tăng AUM sau can thiệp ở nhóm chứng là 93,24%; nhóm truyền thông là 69,51% nhóm dùng vitamin C là 64,63%. Hiệu quả can thiệp ở nhóm TTGDSK đơn thuần là 23,73% ở nhóm TTGDSK kết hợp dùng vitamin C là 28,61%. Sau 12 tháng can thiệp tỷ lệ AUM giảm có ý nghĩa ở hai nhóm can thiệp so với nhóm chứng với p lần lượt là 0,05 và 0,03. Tỷ lệ giảm AUM ở nhóm TTGDSK đơn thuần và nhóm TTGDSK kết hợp dùng vitamin C không có sự khác biệt $p=0,51$.
- Tỷ lệ đạt kết quả chung ở nhóm chứng là 5,41% nhóm TTGDSK đơn thuần là 24,39% và nhóm TTGDSK kết hợp dùng vitamin C là 29,27%. Tỷ lệ đạt kết quả chung ở hai nhóm can thiệp giảm có ý nghĩa so với nhóm chứng với $p=0,043$ và 0,026. So sánh giữa nhóm TTGDSK đơn thuần và nhóm TTGDSK kết hợp dùng vitamin C tỷ lệ đạt kết quả chung không có sự khác biệt, $p=0,42$.

Cần Thơ, ngàytháng.....năm

NGƯỜI HƯỚNG DẪN 1

NGƯỜI HƯỚNG DẪN 2

NGHIÊN CỨU SINH

HIỆU TRƯỞNG

ONLINE Ph.D. DISSERTATION INFORMATION

The Ph.D. Dissertation title: Study on the situation of hyperuricemia and evaluate the effectiveness of community intervention in humans aged 35 years and older in Ca Mau province.

Specialty: Public Health

Code: 62.72.03.01

Supervisor 1: Assoc. Prof, Dr. Nguyễn Trung Kiên; **Supervisor 2:** Assoc. Prof, Dr. Trần Ngọc Dung

Academic institute: Can Tho University of Medicine and Pharmacy

SUMMARY OF NEW FINDINGS

1. To determine:

- Rate of hyperuricemia in people aged 35 years and older in Ca Mau province. The rate of hyperuricemia in people in Ca Mau province is 14.83%; The rate of hyperuricemia in male is 20.13% and in female is 9.7%. The mean of blood uric acid concentration in the increased group was 7.48 ± 0.98 mg/dl, in the non-increased group was 4.88 ± 1.00 mg/dl.

- Factors related to hyperuricemia in people in Ca Mau province

+ The rate of hyperuricemia in humans is related statistical significance factors such as: male (OR=1.63; $p=0.006$); smoking (OR=2.02; $p<0.001$); comorbidities (OR=2.97; $p<0.001$); When comorbidities were present, the risk of hyperuricemia was 2.97 times higher after adjusting for elements by logistic regression analysis.

+ Habits that increase the risk of hyperuricemia in people are: alcohol consumption (OR=4.44; $p<0.001$); eat red meat (OR=1.73; $p=0.002$); The habits that reduce the risk of hyperuricemia in people are: physical activity (OR=0.41; $p<0.001$); eat green vegetables (OR=0.31; $p<0.001$);

2. To determine:

- After 12 months, blood uric acid concentration in the two intervention groups decreased significantly compared with the control group. The control group had blood uric acid concentration of 7.64 ± 0.94 mg/dL (increase of 0.03 mg/dL); the communication group was 7.22 ± 1.08 mg/dL (0.44 mg/dl reduction) and the vitamin C group was 6.88 mg/dL (0.49 mg/dl decrease). Using vitamin C improved blood uric acid levels significantly compared with the control group with $p<0.001$ and the health education communication group alone with $p=0.03$.

- The rate of hyperuricemia after intervention in the control group was 93.24%; communication group is 69.51% ; and the vitamin C group was 64.63%. The effectiveness of the intervention in the group of health communication and education alone was 23.73%, and the group of health education communication and vitamin C combined with vitamin C was 28.61%. After 12 months of intervention, the rate of blood uric acid reduced significantly in the two intervention groups compared with the control group with p of 0.05 and 0.03, respectively. The rate of reduction of blood uric acid in the group of health education communication alone and the group of health education communication combined with vitamin C did not any difference, $p=0.51$.

- The rate of overall effectiveness in the group of health education communication alone was 24.39% and the group of health education communication combined with vitamin C was 29.27% compared with the control group was 5.41%. The rate effectiveness in the two intervention groups decreased significantly compared with the control group with $p=0.043$ and 0.026. Comparison between the health education communication group alone and the health education communication group combined with vitamin C, the overall rate of effectiveness was not different, $p=0.42$.

Can Tho City,

Supervisor 1

Supervisor 2

Ph.D. candidate

President